

## Biểu số 1

**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN***(Kèm theo Nghị quyết số 141 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao (tại QĐ số 2086/QĐ-UBND ngày 14/11/2022)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>19.172.587</b>	<b>19.718.147</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>7.044.795</b>	<b>7.107.795</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSĐP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg), trong đó:</b>	<b>3.734.700</b>	<b>3.734.700</b>	
1.1	Phân bổ chi tiết 90% (trong đó: Dành 30% bổ sung NS cấp huyện quản lý; 70% thuộc NS cấp tỉnh quản lý)	3.361.230	3.361.230	
1.2	Dự phòng 10%	373.470	373.470	
<b>2</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>3.140.995</b>	<b>3.203.995</b>	
1	Thu từ đấu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh theo NQ 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	3.086.545	3.149.545	Bổ sung dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ
2	Thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016	54.450	54.450	
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	<i>Chi đầu tư ngân sách cấp tỉnh trong CĐNSĐP</i>	<i>27.225</i>	<i>27.225</i>	
2.2	<i>Chi cấp bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất</i>	<i>27.225</i>	<i>27.225</i>	
2.3	<i>Chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định khác</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
<b>3</b>	<b>Vốn xã số kiến thiết</b>	<b>168.000</b>	<b>168.000</b>	
<b>4</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP</b>	<b>1.100</b>	<b>1.100</b>	
<b>II</b>	<b>Vốn Ngân sách trung ương</b>	<b>7.788.955</b>	<b>7.788.955</b>	
1	Vốn trong nước	6.975.720	6.975.720	
2	Vốn nước ngoài	813.235	813.235	
<b>III</b>	<b>Vốn Chương trình MTQG</b>	<b>4.338.837</b>	<b>4.821.397</b>	Theo QĐ số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.530.902	2.550.925	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.434.515	1.606.004	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	373.420	664.468	

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao										Chi tiết Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 NSDP đã giao và giải ngân từ năm 2021 đến năm 2023										Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao	Ước giải ngân KH 2023	Tổng Kế hoạch vốn trung hạn NSDP đã được giao từ năm 2021 đến năm 2023	Điều chỉnh vốn NSDP		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh											
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: KH vốn 2021 được kéo dài sang năm 2022		Tổng số	Trong đó: KH vốn 2022 được kéo dài sang năm 2023					Tổng số	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						
																						Tăng	Giảm			Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25									
	<b>TỔNG SỐ</b>		1.192.394	698.860	418.214	240.006			7.150	7.000	74.423	73.397	30.547	30.500	112.120	172.385	109.385	477.725	302.506												
<b>A</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>		63.000	63.000												63.000		63.000	63.000												
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu tư quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ	119/HĐND-KTNS ngày 12/6/2017; 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	63.000	63.000												63.000		63.000	63.000				Bổ sung danh mục dự án sử dụng nguồn thu từ đất								
<b>B</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm tiền đất theo NQ 34)</b>		1.056.444	587.318	398.964	224.603			7.150	7.000	74.423	73.397	30.547	30.500	112.120	94.782	94.782	378.761	224.103												
<b>III</b>	<b>NSDP cấp tỉnh quản lý</b>		1.056.444	587.318	398.964	224.603			7.150	7.000	74.423	73.397	30.547	30.500	112.120	94.782	94.782	378.761	224.103												
<b>III.5</b>	<b>Dự án phân theo ngành/lĩnh vực</b>		1.056.444	587.318	398.964	224.603			7.150	7.000	74.423	73.397	30.547	30.500	112.120	94.782	94.782	378.761	224.103												
(1)	<b>Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng</b>		56.851	21.851	794	794					487	466			487	500	307	987	987												
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		46.351	11.351	794	794					487	466			487		307	487	487												
1	Đường ra biển giới Na Cô Sa - Mốc A6	1043/QĐ-UBND ngày 10/10/2011	46.351	11.351	794	794					487	466			487		307	487	487				Hết nhu cầu vốn								
2)	Dự án chuẩn bị đầu tư chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030		10.500	10.500												500		500	500												
1	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân	646/QĐ-UBND 18/4/2023	10.500	10.500												500		500	500				Chuẩn bị đầu tư, chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030								
(3)	<b>Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp</b>		256.658	123.767	75.891	16.000					6.000	6.000	8.000	8.000	14.000	49.368	1.152	124.107	64.216												
2)	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>		206.658	83.767	75.891	16.000					6.000	6.000	8.000	8.000	14.000	47.868	1.152	122.607	62.716												
1	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ	1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	41.000	16.000						6.000	6.000	8.000	8.000		1.152	39.848	14.848				Lồng ghép vốn XSKT và NSTW								
2	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học số 2 Pá Khoang xã Pá Khoang	Quyết định số 3390/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.600	3.867	5.733											3.787		9.520	3.787				Lồng ghép thực hiện CTMTQG								
3	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Pá Khoang	Quyết định số 3389/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	14.900	10.900	4.000											4.868		8.868	4.868				Lồng ghép thực hiện CTMTQG								
4	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS xã Nà Tấu	Quyết định số 3206/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	14.900	9.742	5.158											3.625		8.783	3.625				Lồng ghép thực hiện CTMTQG								
5	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Nà Nhạn xã Nà Nhạn	Quyết định số 3204/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	11.000	7.000	4.000											6.706		10.706	6.706				Lồng ghép thực hiện CTMTQG								
6	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học số 2 Nà Nhạn xã Nà Nhạn	Quyết định số 3391/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.000	5.000	4.000											4.735		8.735	4.735				Lồng ghép thực hiện CTMTQG								
7	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Tà Càng xã Nà Tấu	Quyết định số 3203/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	10.600	6.600	4.000											6.582		10.582	6.582				Lồng ghép thực hiện CTMTQG								

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao		Chi tiết Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 NSDP đã giao và giải ngân từ năm 2021 đến năm 2023											Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Ghi chú		
						Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Tổng Kế hoạch vốn trung hạn NSDP đã được giao từ năm 2021 đến năm 2023		Điều chỉnh vốn NSDP		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao	Ước giải ngân KH 2023	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: KH vốn 2021 được kéo dài sang năm 2022		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước							Thanh toán nợ XDCB			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
8	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng	Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	8.658	4.658	4.000												4.642	8.642	4.642			'Lồng ghép thực hiện CTMTQG	
9	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Mường Phăng xã Mường Phăng	Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	12.000	8.000	4.000												7.923	11.923	7.923			'Lồng ghép thực hiện CTMTQG	
10	Sửa chữa, nâng cấp Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ	302/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	70.000	5.000													5.000	5.000	5.000			Đổi ứng vốn hỗ trợ TP Hà Nội	
	Dự án chuẩn bị đầu tư, chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030		50.000	40.000													1.500	1.500	1.500				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ	974/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	14.950	12.450													500	500	500			CBĐT; Lồng ghép vốn NSDP thành phố quản lý	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non số 2 xã Pá Khoang	975/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	14.900	12.400													400	400	400			CBĐT; Lồng ghép vốn NSDP thành phố quản lý	
3	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	976/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	9.000	6.500													300	300	300			CBĐT; Lồng ghép vốn NSDP thành phố quản lý	
4	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Sơn Ca, thành phố Điện Biên Phủ	977/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	11.150	8.650													300	300	300			CBĐT; Lồng ghép vốn NSDP thành phố quản lý	
(4)	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ		17.000	17.000	16.600	16.600											8.000	9.800	14.800	14.800			
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		17.000	17.000	16.600	16.600											8.000	9.800	14.800	14.800			
1	Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Điện Biên	11/QĐ-UBND ngày 06/01/2021	10.000	10.000	9.800	9.800												9.800					'Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, không còn Chi cục TCĐLCL
2	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	420/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	7.000	7.000	6.800	6.800											8.000		14.800	14.800			Đề tăng hiệu quả phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực TCĐLCL
(5)	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình		80.850	50.865	49.535	17.550						3.700	3.700	4.000	4.000	7.700	17.976	9.350	67.140	26.176			
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		14.850	14.850	11.550	9.550						3.700	3.700	4.000	4.000	7.700		1.850	9.700	7.700			
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CD Y tế Điện Biên	1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	11.550	9.550						3.700	3.700	4.000	4.000	7.700		1.850	9.700	7.700			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		66.000	36.015	37.985	8.000											17.976	7.500	57.440	18.476			
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông	Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	28.000	14.000	14.000													13.140		27.140	13.140		'Lồng ghép thực hiện CTMTQG
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	30.000	14.015	15.985													4.836		29.800	4.836		Lồng ghép vốn CTMTQG

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao			Chi tiết Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 NSDP đã giao và giải ngân từ năm 2021 đến năm 2023										Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh					Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao	Ước giải ngân KH 2023	Tổng Kế hoạch vốn trung hạn NSDP đã được giao từ năm 2021 đến năm 2023	Điều chỉnh vốn NSDP		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: KH vốn 2021 được kéo dài sang năm 2022		Tổng số	Trong đó: KH vốn 2022 được kéo dài sang năm 2023					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		
																						Tổng số		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	18	19	20	21	22	23	24	25	
3	Cải tạo, sửa chữa TTYT thị xã Mường Lay	1366/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	8.000	8.000	8.000	8.000												7.500	500	500			Chuẩn bị đầu tư; chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030 (để ưu tiên vốn đối ứng CTMTQG các dự án cùng lĩnh vực)	
(6)	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin		220.680	39.119	27.291	17.688			3.000	3.000		14.578		14.578		17.578		110	27.181	17.578				
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		220.680	39.119	27.291	17.688			3.000	3.000		14.578		14.578		17.578		110	27.181	17.578				
2	Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh ĐB	903/QĐ-UBND 8/9/2011, 280/QĐ-UBND 10/3/2021	220.680	39.119	27.291	17.688			3.000	3.000		14.578		14.578		17.578		110	27.181	17.578			Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn	
(7)	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn		16.900	10.000	16.900	10.000						9.000		9.000	279	279	9.279		721	16.179	9.279			
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		16.900	10.000	16.900	10.000						9.000		9.000	279	279	9.279		721	16.179	9.279			
2	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh	3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	16.900	10.000						9.000		9.000	279	279	9.279		721	16.179	9.279			
(9)	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường		59.780	30.398	59.780	30.398						200				200		28.398	2.000	2.000				
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		59.780	30.398	59.780	30.398						200				200		28.398	2.000	2.000				
1	Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên	1537/QĐ-UBND 26/8/2021	19.382	10.000	19.382	10.000												9.000	1.000	1.000			' Chuẩn bị đầu tư chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030	
2	Dự án Đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí tự động (tại TP Điện Biên Phủ; TT Tuần Giáo; Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên và Sở Tài nguyên và Môi trường)	35/NQ-HĐND 22/8/2021	40.398	20.398	40.398	20.398						200				200		19.398	1.000	1.000			' Chuẩn bị đầu tư chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030	
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		278.480	240.318	125.373	88.773			4.150	4.000		27.458		26.654	5.768	5.721	37.376	738	44.944	81.867	44.567			
10.3	Giao thông		203.900	167.300	102.034	65.434						19.700		19.500	5.768	5.721	25.468		33.363	69.371	32.071			
1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023		63.900	27.300	63.500	26.900						19.500		19.500	5.768	5.721	25.268		1.679	62.521	25.221			
1	Sửa chữa, nâng cấp đường Trụ Sở xã mới - Bàn Chua Ta B, huyện ĐBB	1365/QĐ-UBND 30/7/2021	10.000	6.400	9.900	6.300						3.000		3.000	2.869	2.869	5.869		431	9.769	5.869		Hết nhu cầu vốn; đề nghị điều chỉnh KH2023	
2	Sửa chữa, nâng cấp đường Háng Lia, Tia Dinh, huyện ĐBB	1364/QĐ-UBND 30/7/2021	14.000	9.000	13.900	8.900						7.000		7.000	1.099	1.099	8.099		801	13.499	8.099		Hết nhu cầu vốn; đề nghị điều chỉnh KH2023	
3	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chá	33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	39.700	11.700						9.500		9.500	1.800	1.753	11.300		447	39.253	11.253		Hết nhu cầu vốn	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		140.000	140.000	38.534	38.534						200				200		31.684	6.850	6.850				
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tả Leng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tả Leng), TP ĐBP	1730/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	25.000	25.000	25.000	25.000						200				200		24.000	1.000	1.000			Mở rộng theo quy hoạch, Chuẩn bị đầu tư để chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030	
2	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma Lô San Chải, huyện Mường Nhé	38/NQ-HĐND 22/8/2021	115.000	115.000	13.534	13.534												7.684	5.850	5.850			Chuẩn bị đầu tư; chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao				Chỉ tiết Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 NSDP đã giao và giải ngân từ năm 2021 đến năm 2023							Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh					Ghi chú					
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			KH vốn giao		Giải ngân	Năm 2022		Giải ngân	KH vốn giao	Ước giải ngân KH 2023	Tổng Kế hoạch vốn trung hạn NSDP đã được giao từ năm 2021 đến năm 2023	Điều chỉnh vốn NSDP		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản tính trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: KH vốn 2021 được kéo dài sang năm 2022		Tổng số	Trong đó: KH vốn 2022 được kéo dài sang năm 2023					Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP				
																						Tổng số	Thu hồi các khoản tính trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản tính trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
10.8	Du lịch		64.142	62.580	13.639	13.639			4.000			4.000	7.758		7.154		11.758		1.881	11.758	11.758					
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		64.142	62.580	13.639	13.639			4.000			4.000	7.758		7.154		11.758		1.881	11.758	11.758					
1	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	301 ngày 06/4/2011; 545/QĐ-UBND 05/7/2018; 568/QĐ-UBND 16/6/2020	64.142	62.580	13.639	13.639			4.000		4.000		7.758		7.154		11.758		1.881	11.758	11.758				Hết nhu cầu vốn;	
10.11	Quy hoạch		10.438	10.438	9.700	9.700			150								150	738	9.700	738	738					
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		10.438	10.438	9.700	9.700			150								150	738	9.700	738	738					
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ		9.700	9.700	9.700	9.700			150								150		9.700						Năm 2021 chưa giải ngân	
2	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp hỗn hợp xã Ấng Tỡ, huyện Mường Ảng		738	738														738		738	738				Bổ sung theo VB 1324/UBND-KT ngày 18/4/2023	
(11)	Ngành/tĩnh vực: Hoạt động cửa cơ quan QLNN		69.245	54.000	26.800	26.800						13.000		13.000	12.500	12.500	25.500	17.700		44.500	44.500					
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		44.645	29.400	26.800	26.800							13.000		13.000	12.500	12.500	25.500	16.700		43.500	43.500				
1	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	3071/QĐ-UBND 29/11/2021; 495/QĐ-UBND 30/3/2023	14.400	14.400	11.800	11.800							5.000		5.000	6.000	6.000	11.000	2.400		14.200	14.200				Bổ sung tổng mức đầu tư tại QĐ 495/QĐ-UBND 30/3/2023
2	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	1791/QĐ-UBND 01/10/2021	30.245	15.000	15.000	15.000							8.000		8.000	6.500	6.500	14.500	14.300		29.300	29.300				Bổ sung nội dung đầu tư thiết bị
2)	Dự án chuẩn bị đầu tư, chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030		24.600	24.600															1.000		1.000	1.000				
1	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	982/QĐ-UBND 30/5/2022	14.600	14.600															500		500	500				CBĐT; Đang làm việc tạm trong vùng đất di tích; chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030
2	Dự án: Trụ sở Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ	983/QĐ-UBND 30/5/2022	10.000	10.000															500		500	500				Chuẩn bị đầu tư; chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030
(12)	Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn (do chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư)																		500							
C	VỐN XỎ SỐ KIẾN THIẾT		72.950	48.542	19.250	15.403													14.603	14.603	35.964	15.403				
I	Ngành/tĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		28.450	20.027	18.450	14.603													5.424	14.603	10.000	5.424				
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		28.450	20.027	18.450	14.603													5.424	14.603	10.000	5.424				
1	Trại thí nghiệm thực hành Trường CĐ KTKT Điện Biên	1670/QĐ-UBND 13/9/2021	18.450	14.603	18.450	14.603														14.603						Chưa có vị trí xây dựng do điều chỉnh quy hoạch

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao								Chi tiết Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 NSDP đã giao và giải ngân từ năm 2021 đến năm 2023							Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh						Ghi chú
					Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Điều chỉnh vốn NSDP		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh							
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao		Giải ngân	KH vốn giao	Ước giải ngân KH 2023	Tổng Kế hoạch vốn trung hạn NSDP đã được giao từ năm 2021 đến năm 2023	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: KH vốn 2021 được kéo dài sang năm 2022		Tổng số	Trong đó: KH vốn 2022 được kéo dài sang năm 2023								Tổng số	Trong đó: KH vốn 2023	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB																		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	18	19	20	21	22	23	24	25					
2	Cải tạo, sửa chữa khu giảng đường và hàng mục phụ trợ cao đẳng kinh tế		10.000	5.424													5.424		10.000	5.424		Lồng ghép vốn CTMTQG GNBV				
<b>II</b>	<b>Ngành/lĩnh vực: Y tế</b>		<b>30.000</b>	<b>14.015</b>													<b>9.179</b>		<b>25.164</b>	<b>9.179</b>						
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		30.000	14.015													9.179		25.164	9.179						
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	30.000	14.015													9.179		25.164	9.179		Lồng ghép vốn CTMTQG Dân tộc thiểu số				
<b>III</b>	<b>Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới</b>		<b>14.500</b>	<b>14.500</b>	<b>800</b>	<b>800</b>													<b>800</b>	<b>800</b>						
1)	Số vốn còn lại chưa phân bổ		14.500	14.500	800	800													800	800						